

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1905 /CTBDU-TTHT
V/v dịch vụ xuất khẩu và hóa đơn
trả hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ISUZU TEC VIETNAM
Địa chỉ: M1-Module 5, lô D, đường N2, KCN Nam Tân Uyên, Phường
Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Mã số thuế: 3702174362

Cục Thuế tỉnh Bình Dương nhận được văn bản số 122024-001 ITEC/CV;
122024-002 ITEC/CV ngày 09/01/2024 và 17/01/2024 của CÔNG TY TNHH
ISUZU TEC VIETNAM (viết tắt "Công ty") về việc dịch vụ xuất khẩu và hóa đơn
trả hàng. Qua nội dung văn bản của Công ty, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực
thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020) quy định nguyên tắc khai thuế, tính thuế:

"Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế
do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.";

1/ Đối với dịch vụ xuất khẩu

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP
ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số
điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

+ Tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định:

"Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây
dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc
tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các
trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ
chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ
chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách
hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá
nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam: cung ứng trực tiếp cho tổ
chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan

...



2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;"

+ Tại Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định:

"Điều 16. Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (trừ các trường hợp hướng dẫn Điều 17 Thông tư này) để được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ điều kiện và các thủ tục nêu tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 15 Thông tư này, cụ thể như sau:

...

2. Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

...

Riêng các trường hợp sau không cần tờ khai hải quan:

- Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu dịch vụ, phần mềm qua phương tiện điện tử thì không cần có tờ khai hải quan. Cơ sở kinh doanh phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ, phần mềm xuất khẩu qua phương tiện điện tử theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

..."

Căn cứ quy định trên và nội dung trình bày của đơn vị tại công văn số 122024-001 ITEC/CV, trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ thiết kế máy móc, thiết bị hoặc thiết kế cải tiến cho tổ chức nước ngoài (tiêu dùng ngoài Việt Nam) thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Trường hợp Công ty thực hiện dịch vụ xuất khẩu thì không cần tờ khai hải quan và Công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

2/ Đối với hóa đơn trả hàng

- Căn cứ Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

+ Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.”

+ Tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định:

“Điều 10. Nội dung của hóa đơn

1. Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn. Cụ thể như sau:

...

4. Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán

...

5. Tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua

...

6. Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

...

b) Thuế suất thuế giá trị gia tăng: Thuế suất thuế giá trị gia tăng thể hiện trên hóa đơn là thuế suất thuế giá trị gia tăng tương ứng với từng loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

c) Thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo chữ số Ả-rập, trừ trường hợp bán hàng thu ngoại tệ không phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam thì thể hiện theo nguyên tệ.

... ”



- Căn cứ khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khấu trừ thuế GTGT;

- Căn cứ công văn số 1647/TCT-CS ngày 10/05/2023 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về hóa đơn điện tử;

- Căn cứ công văn số 2121/TCT-CS ngày 29/5/2023 của Tổng cục Thuế hướng dẫn lập hóa đơn;

- Căn cứ công văn số 4511/TCT-CS ngày 11/10/2023 của Tổng cục Thuế hướng dẫn hóa đơn GTGT;

- Căn cứ khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hồ sơ khai thuế.

Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung trình bày của đơn vị tại công văn số 122024-002 ITEC/CV, Cục Thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn nguyên tắc như sau:

Trường hợp tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng, nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thì người bán lập hóa đơn hoàn trả hàng hóa để điều chỉnh giảm hoặc thay thế hóa đơn đã lập, người bán và người mua có thỏa thuận ghi rõ hàng bán trả lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp Công ty có phát sinh hóa đơn điều chỉnh, thay thế theo quy định thì Công ty thực hiện kê khai bổ sung tại kỳ tính thuế có sai, sót theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, Công ty có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh Bình Dương được đăng tải trên trang điện tử: <http://binhduong.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ Phòng Thanh - Kiểm tra số 4 (số điện thoại: 0274.3899678) để được hỗ trợ giải quyết.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bình Dương trả lời Công ty biết để thực hiện. *12/10/23*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - LĐ Cục Thuế (Email b/c);
 - P.TTKT1...5 (web);
 - Lưu: VT; TTHT (T.Vân) (3b).
- (240119/ZV09/0001/7401/001888865) *la*
240119/ZV09/0001/7401/001888873)



Nguyễn Mạnh Đông